

Bản án số: **66/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 17-5-2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đinh Văn Tiến**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Châu Văn Nhâm**.

2. Ông **Lê Tịnh Thới**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đỗ Văn Thiêm**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diễm** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 568/2021/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Lê H**, Sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp 5, xã Q, huyện T, tỉnh Long An

- Bị đơn: Chị **Nguyễn H**, Sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng

(Anh H, chị T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê H trình bày: Anh và chị Nguyễn H tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Long An. Cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, và về kinh tế. Anh chị đã sống không còn chung sống với nhau từ năm 2016 đến nay. Từ đó vợ chồng bỏ mặc nhau và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn H.

Về con chung: có người một con chung tên Lê Nguyễn Đ, sinh ngày 08/08/2014, chị Nguyễn H đang trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, anh đồng ý giao cháu Lê Nguyễn Đ cho chị Nguyễn H nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, anh Lê H cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/01 tháng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn chị Nguyễn H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X tham gia phiên tòa phát biểu:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự và thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu trước khi xét xử. Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn anh Lê H đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ. Bị đơn chị Nguyễn T đã không chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị căn cứ Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Lê H, cho anh Lê H được ly hôn với chị Nguyễn H, về con chung giao cháu Lê Nguyễn Đ, sinh ngày 08/8/2014 cho chị Nguyễn H trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, về cấp dưỡng nuôi con anh Lê H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng, Tài sản chung, nợ chung: không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Lê H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn H, yêu cầu nuôi con chung, chị Nguyễn H có nơi cư trú tại ấp Bình Tân, xã Xuân Hòa, huyện X, tỉnh Đồng Nai nên quan hệ pháp luật là: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn H đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai, do đó xét xử vắng mặt chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Lê H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê H và chị Nguyễn H tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Long An nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Anh Lê H yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn H do cuộc sống chung không hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và về kinh tế. Anh H chị T đã sống không còn chung sống với nhau từ năm 2016 đến nay. Chị T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có lời khai, chứng tỏ chị T bỏ mặc, không có thiện chí hòa giải đoàn tụ vợ chồng. Anh H, chị T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình làm cho mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: có 01 con chung tên Lê Nguyễn Đ, sinh ngày 08/08/2014, chị Nguyễn H đang trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn anh H yêu cầu giao cháu Đ cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng nên giao cháu Đ cho chị Nguyễn H nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn H không có lời khai về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh Lê H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn H là 2.000.000 đồng/tháng nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Anh Lê H khai không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết, chị Nguyễn H không có lời khai nên không giải quyết.

[6] Về nợ chung: Anh Lê H khai không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết, chị Nguyễn H không có lời khai nên không giải quyết.

[7] Về án phí: Anh Lê H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê H.

1. Cho anh Lê H được ly hôn với chị Nguyễn H.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Q, sinh ngày 08/08/2014 cho chị Nguyễn H Giao trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Lê H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn H 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu Lê Nguyễn Q đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Lê H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung nhưng không gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con của chị Nguyễn H.

Khi cần thiết, anh Lê H và chị Nguyễn H được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về nợ chung: Không giải quyết.

5. Về án phí: Anh Lê H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối về yêu cầu ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí anh Lê H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện X theo biên lai thu số 0005946 ngày 18 tháng 11 năm 2021 được khấu trừ vào án phí. Anh Lê H còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Anh Lê H và chị Nguyễn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- UBND xã Quê Mỹ Thạnh;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

Đinh Văn Tiến